

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 144/2024/DS-ST
Ngày 27 - 11 - 2024
V/v tranh chấp đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G, TỈNH BẠC LIÊU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Nhạn

Bà Cao Thị Mỹ Phượng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phùng Thị Loan - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 162/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2024 về việc “*Tranh chấp vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 163/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 145/2024/QĐST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Châu Đ, sinh năm 1998. Địa chỉ: Ấp 19, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Trần Trọng Q, sinh năm 1985 và bà Nguyễn Ngọc Y, sinh năm 1988. Cùng ĐKKHTT: Ấp 18, xã A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp 19, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 4 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Châu Đ trình bày:

Từ ngày 08/3/2023 đến ngày 10/6/2023 bà cho ông Trần Trọng Q và bà Nguyễn Ngọc Y vay tiền nhiều lần cụ thể như sau:

- Ngày 08/3/2023, cho vay số tiền 20.000.000 đồng.

- Ngày 18/3/2023, cho vay số tiền 30.000.000 đồng.
- Ngày 26/3/2023, cho vay số tiền 20.000.000 đồng.
- Ngày 30/3/2023, cho vay số tiền 50.000.000 đồng.
- Ngày 13/4/2023, cho vay số tiền 30.000.000 đồng.
- Ngày 19/4/2023, cho vay số tiền 30.000.000 đồng.
- Ngày 20/4/2023, cho vay số tiền 40.000.000 đồng.
- Ngày 02/5/2023, cho vay số tiền 50.000.000 đồng.
- Ngày 06/5/2023, cho vay số tiền 50.000.000 đồng.
- Ngày 09/5/2023, cho vay số tiền 80.000.000 đồng.
- Ngày 27/5/2023, cho vay số tiền 20.000.000 đồng.
- Ngày 28/5/2023, cho vay số tiền 20.000.000 đồng.
- Ngày 30/5/2023, cho vay số tiền 30.000.000 đồng.
- Ngày 10/6/2023, cho vay số tiền 100.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà cho ông Q, bà Y vay là 570.000.000 đồng. Khi cho vay không giấy tờ, không thỏa thuận cụ thể lãi suất nhưng mỗi lần ông Q, bà Y trả tiền cho bà thì họ có đưa cho bà từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng nói là tiền lãi và bà cũng đồng ý.

Hình thức giao tiền cho vay là chuyển khoản qua Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ chủ tài khoản là bà Nguyễn Thị Châu Đ, STK 3111001064582 (số mới là 3111064582). Tài khoản nhận tiền tên chủ tài khoản là ông Trần Trọng Q mở tại Ngân hàng S số tài khoản là 0913237837.

Khi vay tiền ông Q, bà Y là vợ chồng và họ trực tiếp gọi điện cho bà nói là vay để làm ăn.

Sau khi vay ông Q và bà Y trả cho bà được các khoản như sau:

- Ngày 20/3/2023 ông Q chuyển khoản trả được 31.000.000 đồng.
- Ngày 02/4/2023 ông Q chuyển khoản trả được 72.000.000 đồng.
- Ngày 14/4/2023 ông Q chuyển khoản trả được 30.000.000 đồng.
- Ngày 11/5/2023 ông Q chuyển khoản trả được 80.000.000 đồng.
- Ngày 09/6/2023 ông Q chuyển khoản trả được 140.000.000 đồng.

Ngoài ra, ông Q, bà Y còn gửi trả tiền mặt cho bà được nhiều lần từ tháng 8 năm 2023 đến tháng 11 năm 2023 tổng cộng 40.000.000 đồng. Khi trả tiền thì không làm biên nhận.

Tổng số tiền ông Q, bà Y đã trả cho bà là 353.000.000 đồng + 40.000.000 đồng = 393.000.000 đồng. Số tiền ông Q, bà Y còn nợ bà là 570.000.000 đồng - 393.000.000 đồng = 177.000.000 đồng, họ hứa sẽ trả cho bà nhưng không thực hiện. Bà yêu cầu ông Q và bà Y phải trả cho bà số tiền còn nợ là 177.000.000

đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 01 tháng 12 năm 2023 cho đến khi Tòa án giải quyết. Bà tự nguyện xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Q, bà Y trả số tiền 23.000.000 đồng.

Bị đơn ông Trần Trọng Q và bà Nguyễn Ngọc Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, bà Đ trình bày: Thực tế bà cho ông Q, bà Y mượn tiền chứ không phải cho vay, do ông Q, bà Y không trả tiền cho bà nên bà mới khởi kiện đòi tiền vay. Nay bà chỉ yêu cầu ông Q, bà Y trả số tiền đã mượn còn nợ 177.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất. Bà tự nguyện xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Q, bà Y trả số tiền 23.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Châu Đ. Buộc ông Trần Trọng Q và bà Nguyễn Ngọc Y có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đ số tiền đã mượn còn nợ là 177.000.000 đồng, không tính lãi suất. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đ về việc yêu cầu ông Q, bà Y thanh toán số tiền 23.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Châu Đ khởi kiện yêu cầu ông Trần Trọng Q và bà Nguyễn Ngọc Y trả tiền nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Bà Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Q và bà Y trả tiền nợ vay nên Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu thụ lý vụ án là “*Tranh chấp vay tài sản*”. Tuy nhiên, tại phiên hòa, bà Đ xác định lại là bà cho ông Q, bà Y mượn tiền, không phải cho vay nên Hội đồng xét xử thay đổi quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp đòi tài sản*”.

[4] Bị đơn ông Q, bà Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Bà Đ xác định: Từ ngày 08 tháng 3 năm 2023 đến ngày 10 tháng 6 năm 2023 bà cho ông Q, bà Y mượn tiền nhiều lần. Tổng số tiền bà cho ông Q, bà Y

mượn là 570.000.000 đồng. Khi cho mượn tiền không giấy tờ, hình thức giao tiền là chuyển khoản qua Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ chủ tài khoản là bà Nguyễn Thị Châu Đ, STK 3111001064582 (số mới là 3111064582). Tài khoản nhận tiền tên chủ tài khoản là ông Trần Trọng Q mở tại Ngân hàng S số tài khoản là 0913237837. Sau khi mượn tiền thì ông Q, bà Y có trả cho bà được 393.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu ông Q và bà Y phải trả cho bà số tiền còn nợ là $570.000.000 \text{ đồng} - 393.000.000 \text{ đồng} = 177.000.000 \text{ đồng}$, bà không yêu cầu tính lãi và tự nguyện rút yêu cầu đối với số tiền 23.000.000 đồng.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ thông tin sao kê tài khoản của bà Đ và ông Q chứng minh được bà Đ có chuyển cho ông Q tổng số tiền 570.000.000 đồng và ông Q có chuyển trả cho bà Đ số tiền 353.000.000 đồng. Bà Đ thừa nhận ông Q, bà Y có trả thêm cho bà tiền mặt được 40.000.000 đồng nên còn nợ lại là $570.000.000 \text{ đồng} - 393.000.000 \text{ đồng} = 177.000.000 \text{ đồng}$. Ông Q, bà Y không chứng minh được đã thanh toán xong khoản nợ trên cho bà Đ. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Q, bà Y không có tinh thần hợp tác, đồng thời vắng mặt không có lý do khi được Tòa án triệu tập làm việc tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử. Điều này thể hiện ông Q, bà Y trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ. Buộc ông Q, bà Y cùng có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đ số tiền đã mượn còn nợ là 177.000.000 đồng.

[7] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đ về việc yêu cầu ông Q, bà Y thanh toán số tiền 23.000.000 đồng và lãi suất.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Q và bà Y cùng phải chịu án phí là $177.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 8.850.000 \text{ đồng}$. Bà Đ không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 494, 496 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Châu Đ đối với ông Trần Trọng Q và bà Nguyễn Ngọc Y.

2. Buộc ông Trần Trọng Q và bà Nguyễn Ngọc Y cùng có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Châu Đ số tiền 177.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên đây, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Châu Đ về việc yêu cầu ông Trần Trọng Q và bà Nguyễn Ngọc Y thanh toán số tiền 23.000.000 đồng và lãi suất.

4. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Trần Trọng Q và Nguyễn Ngọc Y cùng phải chịu số tiền 8.850.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Châu Đ không phải chịu án phí. Bà Nguyễn Thị Châu Đ đã dự nộp số tiền 5.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008748 ngày 06 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu nên bà Nguyễn Thị Châu Đ được hoàn lại 5.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

5. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Án xử công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thị xã G;
- Chi cục THADS thị xã G;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kim Nhi

